

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HỢP TIẾN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~457~~/QĐ-UBND

Hợp Tiến, ngày 29 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Hợp Tiến**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP TIẾN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân xã Hợp Tiến về việc phê duyệt quyết toán thu-chi ngân sách xã năm 2022;

## **QUYẾT ĐỊNH**

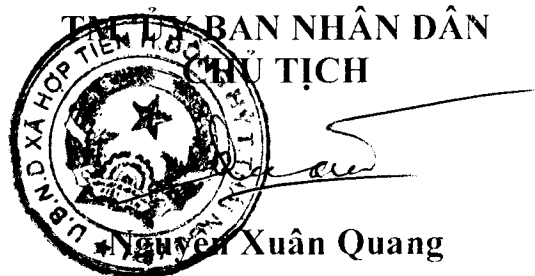
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Hợp Tiến (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ban tài chính.





**BIỂU TỔNG HỢP  
 THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC**

Năm 2022

Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			SỐ DƯ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÈNH LỆCH (+)(-)		THU	CHI	CHÈNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>68.700.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>18.700.000</b>	<b>170.520.000</b>	<b>122.010.000</b>	<b>103.834.240</b>	<b>188.695.760</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>68.700.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>18.700.000</b>	<b>170.520.000</b>	<b>122.010.000</b>	<b>103.834.240</b>	<b>188.695.760</b>
+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	27.480.000	20.000.000	7.480.000	25.020.000	28.800.000	20.610.000	33.210.000
+ Quỹ trẻ thơ	6.870.000	5.000.000	1.870.000	19.640.000	28.800.000	9.100.000	39.340.000
+ Quỹ Vì người nghèo	13.740.000	5.000.000	8.740.000	13.745.000	13.940.000	25.200.000	2.485.000
+ Quỹ Cao tuổi	6.870.000	5.000.000	1.870.000	11.760.000	7.200.000	11.404.240	7.555.760
+ Quỹ khuyến học	6.870.000	5.000.000	1.870.000	14.630.000	14.400.000	4.400.000	24.630.000
+ Quỹ khuyết tật		5.000.000	-5.000.000	28.565.000		7.800.000	20.765.000
+ Quỹ nhân đạo	6.870.000	5.000.000	1.870.000	57.160.000	16.600.000	12.900.000	60.860.000
+ Quỹ đa cam					12.270.000	12.420.000	-150.000
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>							





**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2022

Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Biểu số 118/CK-TC-NSNN  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC  
 ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)  
 Mẫu biểu số 09

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		So sánh (%)
	Tổng số	ĐIPT	TX	ĐIPT	
A	1	2	3	4	5
Tổng chi	13.249.401.830	5.846.333.380	7.403.068.450	12.622.052.042	5.785.930.880
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	605.857.000		605.857.000	599.443.840	98.9415
- Chi dân quân tự vệ	307.000.000		307.000.000	306.197.200	99.74
- Chi trật tự an toàn xã hội	298.857.000		298.857.000	293.246.640	98.1227
2. Chi giáo dục					
3. Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ					
4. Chi y tế	74.965.000		74.965.000	74.947.000	99.98
5. Chi văn hóa, thông tin	331.000.000		20.000.000	276.969.300	83.68
6. Chi phát thanh, truyền hình					
7. Chi thể dục, thể thao	75.000.000		75.000.000	74.937.700	99.92
8. Chi bảo vệ môi trường					
9. Chi các hoạt động kinh tế	4.382.752.380	3.839.387.380	543.365.000	3.984.717.380	3.832.993.380
- Giao thông	3.684.387.380	3.578.387.380	106.000.000	3.677.751.380	3.578.387.380
- Nông - lâm	412.365.000		412.365.000	27.360.000	8.26
- Thủy lợi - hải sản	286.000.000	261.000.000	25.000.000	279.606.000	254.606.000
- Các hoạt động kinh tế khác					
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.203.881.935	1.000.000.000	5.203.881.935	6.040.975.307	999.999.100
Trong đó: Quỹ lương					
10.1. Quản lý Nhà nước	3.919.531.935	1.000.000.000	2.919.531.935	3.912.974.318	999.999.100
10.2. Hội đồng nhân dân	400.000.000		400.000.000	334.747.719	83.69
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	653.000.000		653.000.000	652.765.609	99.96
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	399.500.000		399.500.000	398.395.940	99.736
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	183.000.000		183.000.000	146.100.989	80.48
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165.000.000		165.000.000	145.936.418	88.45
10.7. Hội Cựu chiến binh	155.000.000		155.000.000	148.267.304	95.66
10.8. Hội Nông dân	150.000.000		150.000.000	146.382.010	104.56
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	26.000.000		26.000.000	25.656.000	98.6769
10.10. Hội Người cao tuổi	51.850.000		51.850.000	51.506.000	99.3365
10.11. Hội khuyến học	25.000.000		25.000.000	3.020.000	12.08
10.12. Hội khác	76.000.000		76.000.000	75.223.000	115.73
11. Chi cho công tác xã hội	73.184.000		73.184.000	67.300.000	91.96
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã	63.184.000		63.184.000	57.600.000	91.16
- Trợ cấp hàng tháng theo chế độ quy định và trợ cấp khác	10.000.000		10.000.000	9.700.000	97
12. Chi khác					
13. Dự phòng					
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	1.382.771.515	695.946.000	686.825.515	1.382.771.515	695.946.000
15. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	119.990.000		119.990.000	119.990.000	100



Biểu số 117/CK-TC-NSNN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2022

Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>4.836.000.000</b>	<b>4.676.000.000</b>	<b>13.030.355.358</b>	<b>12.704.748.746</b>	<b>269,445</b>	<b>271,70</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>71.000.000</b>	<b>71.000.000</b>	<b>338.110.658</b>	<b>73.888.000</b>	<b>476,212</b>	<b>104,07</b>
- Phí, lệ phí	62.000.000	62.000.000	54.689.000	54.689.000	88,208	88,21
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	9.000.000	9.000.000	283.421.658	19.199.000	3149,130	213,32
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>369.000.000</b>	<b>209.000.000</b>	<b>259.766.534</b>	<b>198.382.580</b>	<b>70,397</b>	<b>94,92</b>
<b>1. Các khoản thu phân chia</b>	<b>39.000.000</b>	<b>39.000.000</b>	<b>161.772.434</b>	<b>100.388.480</b>	<b>414,801</b>	<b>257,41</b>
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	14.804.518	14.804.518	370,113	370,11
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000	24.200.000	24.200.000	161,333	161,33
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000	122.767.916	61.383.962	613,840	306,92
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>330.000.000</b>	<b>170.000.000</b>	<b>97.994.100</b>	<b>97.994.100</b>	<b>29,695</b>	<b>57,64</b>
- Thuế giá trị gia tăng	170.000.000	170.000.000	97.994.100	97.994.100	57,644	57,64
- Thuế TNDN	85.000.000					
- Thuế thu nhập cá nhân	75.000.000					
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>283.026.451</b>	<b>283.026.451</b>		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.396.000.000</b>	<b>4.396.000.000</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>12.104.451.715</b>	<b>275,351</b>	<b>275,35</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.396.000.000	4.396.000.000	4.406.000.000	4.406.000.000	100,227	100,23
- Bổ sung có mục tiêu			7.698.451.715	7.698.451.715		
<b>VII. Thu nộp trả ngân sách cấp trên</b>						

**BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Đơn vị: đồng

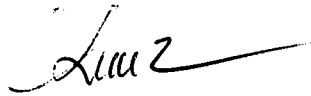
Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
<b>Tổng thu ngân sách xã</b>	<b>12 704 748 746</b>	<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>12 634 651 882</b>
<b>A - Thu ngân sách xã đã qua kho bạc</b>	<b>12 704 748 746</b>	<b>A - Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc</b>	<b>12 634 651 882</b>
<b>I - Các khoản thu 100%</b>	<b>73 888 000</b>	<b>I - Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5 089 984 880</b>
<b>II - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>198 382 580</b>	<b>II - Chi thường xuyên</b>	<b>6 149 295 647</b>
<b>III - Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên</b>	<b>12 104 451 715</b>	<b>III. Chi chuyên nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)</b>	<b>1 395 371 355</b>
1 - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4 406 000 000		
2 - Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	7 698 451 715		
<b>IV - Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>283 026 451</b>		
<b>IV - Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		<b>IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>	
<b>V - Thu chuyên nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (Nếu có)</b>	<b>45 000 000</b>		
<b>VI. Thu hồi các khoản chi năm trước</b>	<b>119 990 000</b>		
<b>Kết dư ngân sách:</b>	<b>70 096 864</b>		

			SL	NG	SL	NG	SL	NG	SL	NG
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nhà cửa, vật kiến trúc			15.805,083						15.805,083
2	Máy móc, thiết bị			239,56		14,73				257,29
3	TSCĐ khác					35,0				35,0

**4. Phân tích nguyên nhân, kiến nghị, đề xuất:**

Kiến nghị đề xuất : Không có

**KẾ TOÁN**



**Triệu Thị Liễu**



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Quang**

## **2. Chi ngân sách năm 2022:**

Dự toán chi ngân sách huyện giao là 4.676 triệu đồng, HĐND xó giao 4.676. triệu đồng, thực hiện 12 tỷ đồng. Tăng chi ngân sách chủ yếu là các khoản chi bổ sung có mục tiêu như chi CT MTQG giảm nghèo, CT XD nông thôn mới, Chi thường xuyên tăng ít chủ yếu là tăng kinh phí thực hiện tiền lương và các chế độ chính sách.

Trong năm 2022 công tác quản lý điều hành ngân sách đã - chi đúng chi đủ và kịp thời, chấp hành nghiêm túc luật ngân sách nhà nước, quản lý tài chính ngân sách đúng chính sách chế độ. Củng cố chi đầu tư XD CB của xó luận thực hiện thanh toán đúng tiến độ phân bổ vốn của cấp trên giao.

Bờn cạnh sự thuận lợi là xó đó được phân bổ ngân sách thu chi từ cuối năm 2022 và xó đó chủ động giao dự toán thu và chi kịp thời theo đúng quy định của Luật ngân sách thờ UBND xó cũn gặp những khú khan trong công tác điều hành chi.

**3. Chi chuyển nguồn:** Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang chi năm 2023 như sau: Tổng số chuyển nguồn: 1.395.371.355đ. Trong đó:

- Chi chuyển nguồn XD CB năm 2022: 695.945.840đ
- Chi chuyển nguồn CTMTQG nguồn vốn hỗ trợ làm nhà ở, nước sinh hoạt: 533.800.000đ.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 165.625.515đ

**III/ Kết dư ngân sách năm 2022: 70.096.864. đ.**

**1. Tổng kết dư: 70.096.864. đ.**

- Trong đó: + Dự phòng NS xã 2022: 5.028.000 đ
- + Nguồn chi khác: 65.068.864 đ.

**2. Tình hình công nợ:** Năm 2022 UBND xã hoàn thành các khoản không có dư nợ cuối kỳ.

**3. Tình hình tăng giảm tài sản: ( Triệu đồng)**

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
-----	----------	-------------	------------	----------------	----------------	-------------





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

### I. Một số đặc điểm:

1. Diện tích 5.477,39ha. Dân số: 6.584 khẩu.

### II. Tình hình ngân sách và tài chính của xã:

#### 1. Ngân sách xã:

##### a.Thu ngân sách :

Dự toán huyện giao: Tổng thu : 4.836.000.000 đ

Trong đó: + Thu ngân sách trên địa bàn là: 440.000.000 đ

+ Thu bổ sung cân đối: 4.396.000.000đ

Thực hiện thu năm 2022 là: 13.030.355.358đ

Trong đó: + Thu cân đối là :597.877.192đ đạt 135,80% DT huyện giao.

( Trong đó: Thu cân đối xó hưởng 272.270.000 đ)

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 283.026.451đ

+ Thu chuyển nguồn: 45.000.000đ.

+ Thu bổ sung cân đối : 4.406.000.000đ

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 7.698.451.715đ.

Năm 2022 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, xong xó dưới sự lónh đạo của Đảng ủy – HĐND – UBND xó, sự phối hợp tuyên truyền, vận động tích cực của các ban ngành đoàn thể của xó, sự tích cực của các thành viên HĐVT thuế , cùng tồ thu chi ngồn sỏch xó Hợp Tiến đó đạt đợc kết quả khá cao.

#### **1.Thu ngân sách năm 2022:**

- Thu ngân sách năm 2022 đạt 597 triệu đồng đạt 135,9% DT giao đầu năm

- Một số khoản thu đạt rất cao như thu thuế GTGT đạt 135%.

- Bên cạnh các khoản thu đạt thờ năm 2022 cú khoản thu phớ lệ phớ, thuế TN chỉ đạt trờn 90% DT giao và đặc biệt thu phớ trước bạ chỉ đạt trờn 50% DT giao..